TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-6-2018
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị M".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhàn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Nghị và ông Nguyễn Thế Phượng.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08-6-2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Phạm Tiến H, sinh năm 1967 (có mặt).

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1971 (có đơn xin xử vắng mặt).

Đều ở địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Tiến H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị M tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 24/10/1988, không đăng ký kết hôn vì chị M chưa đủ tuổi đăng ký. Sau khi tổ chức đám cưới anh và chị M chung sống hòa thuận được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cãi nhau. Anh và chị M đã cố gắng khắc phục để nuôi dậy con cái nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 3 năm 2017, chị M nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng không có sự việc này, anh đã giải thích nhiều lần nhưng chị M không nghe dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm và sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Nay anh xác định tình

cảm giữa anh và chị M không còn, anh đề nghị Toà án nhân dân (viết tắt TAND) huyện H giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về nuôi con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Phạm Thị H1, sinh ngày 20-10-1989 và Phạm Trung A, sinh ngày 10-12-1998, hiện cả 02 con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Anh và chị M thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị M có vay 02 khoản nợ: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện H, tỉnh Thái Bình phòng giao dịch khu Đông số tiền gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng); Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện H, tỉnh Thái Bình số tiền gốc là 156.200.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng). Anh và chị M thỏa thuận, anh có trách nhiệm thanh toán 02 khoản nợ trên. Ngày 02/5/2018 anh đã trả xong cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện H, tỉnh Thái Bình phòng giao dịch khu Đông số tiền gốc và lãi; Anh và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện H thỏa thuận anh có trách nhiệm thanh toán trả gốc và lãi cho Ngân hàng sau. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ này. Ngoài ra vợ chồng anh không còn vay nợ ai.

Tại bản tự khai và tại biên bản ghi lời khai ngày 05/3/2018, bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Tiến H tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương từ ngày 24/10/1988, giữa chị và anh H không đăng ký kết hôn vì chị chưa đủ tuổi đăng ký. Sau khi tổ chức cưới chị và anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh H tính tình không hợp, thường xảy ra cãi nhau nhưng vì các con còn nhỏ nên chị cố khắc phục nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu năm 2017, anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không sửa đổi dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm và sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, anh H có đơn xin ly hôn chị, chị nhất trí.

Về nuôi con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Phạm Thị H1, sinh ngày 20-10-1989 và Phạm Trung A, sinh ngày 10-12-1998, hiện cả 02 con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H thỏa thuận giải quyết, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến

hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Tiến H và chị Nguyễn Thị M; Về nuôi con chung: Anh H và chị M có 02 con chung là Phạm Thị H1, sinh ngày 20-10-1989 và Phạm Trung A, sinh ngày 10-12-1998, hiện cả 02 con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, chị M về việc thỏa thuận phân chia tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; chấp nhận việc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện H và anh H về việc thỏa thuận thanh toán nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Anh H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Anh Phạm Tiến H khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị M, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H, tỉnh Thái Bình.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn là chị Nguyễn Thị M đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Anh Phạm Tiến H chung sống với chị Nguyễn Thị M do tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do chị M chưa đủ tuổi đăng ký. Trong quá trình chung sống, anh H và chị M chung sống hòa thuận được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh H, chị M tính tình không hợp, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau và lạnh nhạt tình cảm, mâu thuẫn căng thẳng anh H, chị M sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Qua xác minh tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình tháng 10/1988 thì trong sổ gốc đăng ký kết hôn của UBND xã T thì không có tên anh Phạm Tiến H và chị Nguyễn Thị M. Do đó, việc anh H, chị M chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh H khởi kiện ly hôn chị M, chị M nhất trí ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị M là phù hợp với quy định của Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Anh H và chị M có 02 con chung là Phạm Thị H1, sinh ngày 20-10-1989 và Phạm Trung A, sinh ngày 10-12-1998, hiện cả 02 con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về chia tài sản chung*: Anh H và chị M thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh và chị M có vay của Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam chi nhánh huyện H, tỉnh Thái Bình phòng giao dịch khu Đông số tiền gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng); vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện H, tỉnh Thái Bình số tiền gốc là 156.200.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng). Anh H và chị M thỏa thuận anh H có trách nhiệm thanh toán 02 khoản nợ này và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 02/5/2018 anh H đã trả xong cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện H số tiền gốc và lãi. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thônViệt Nam chi nhánh huyện H đã có giấy xác nhận số 01/NHNo-TD, ngày 02/5/2018 thể hiện việc anh H đã thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với khoản vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện H thì anh H và Ngân hàng có cam kết về việc trả nợ, ngày 05/4/2018, Ngân hàng có đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Anh H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27, điểm đ tiểu mục 1.3 mục I phần II Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Tiến H và chị Nguyễn Thị M.

2. *Về nuôi con chung*: Anh H và chị M có 02 con chung là Phạm Thị H1, sinh ngày 20-10-1989 và Phạm Trung A, sinh ngày 10-12-1998, hiện cả 02 con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết

3. Về chia tài sản, nợ chung: Anh H và chị M thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Phạm Tiến H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005068 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình.

Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhàn